

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua phần mềm văn phòng cho CBCNV của
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020

Phát hành ngày: 17/11/2020

Ban hành kèm theo Quyết định: 61/QĐ-TSC ngày 16/11/2020

Bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam –
CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tùng

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho gói thầu **Mua phần mềm văn phòng cho CBCNV của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
4. Thời gian giao hàng: **10 ngày kể từ ngày Hợp đồng hiệu lực**.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được

trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các nội dung cần thiết khác:
 - Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.
 - Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện.
 - Bảng kê Hàng hóa chào hàng phải ghi rõ theo các yêu cầu tại Chương II.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Tầng 14 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại: 0935.813.893

Email tiếp nhận báo giá: vuthithuha@pvpower.vn

Thời điểm nộp không muộn **hơn 10 giờ 00 ngày 24/11/2020**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 01 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và/ hoặc được đăng tải trên website www.pvpower.vn.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 02 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng
1	Bản quyền hệ điều hành Windows 10 Pro	Tương ứng với phiên bản WinPro 10 SNGL OLP NL Legalization	12 tháng	24 bản quyền
2	Bản quyền Office 365	Tương ứng với phiên bản Microsoft 365 Business Standard	12 tháng	24 bản quyền (mỗi bản quyền có thời hạn 12 tháng)

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Số khung, số máy, nhãn hiệu của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4X6)
1	Hàng hóa thứ 1					M1
2	Hàng hóa thứ 2					M2
	...					
3	Hàng hóa thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hóa						M= M1+M2+..Mn
Thuế, phí, lệ phí (nếu có)						
Tổng cộng						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Giá chào đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác.

Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tách các nội dung cấu thành của giá chào như sau: thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.

Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /HĐ/PVPTSC – .../2020/DV

**Về việc: Mua phần mềm văn phòng
cho CBCNV của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2020, chúng tôi gồm:

1. CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP –TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

(sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tài khoản số : 19136087535886

Điện thoại : 024 227 10288

Mã số thuế : 0102276173-009

Tại : Ngân hàng Techcombank - Khối Ngân hàng bán buôn

Đại diện : Ông Chức vụ:

Theo Quyết định ủy quyền số

2.

(sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện :

Chức vụ:

Tài khoản :

Tại :

Sau khi trao đổi, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

1.1 Hợp đồng: là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

1.2 Giá hợp đồng: là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.

1.3 Hàng hóa: là các loại vật tư thay thế, tài liệu kỹ thuật kèm theo mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

1.4 Ngày: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

1.5 Tuần: là 07 ngày.

1.6 YCBG: Yêu cầu Báo giá

1.7 BBG: Bản báo giá

1.8 VND: Đồng Việt Nam

ĐIỀU 2: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

2.1 Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác);

2.2 Các điều khoản của Hợp đồng;

2.3 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

2.4 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

2.5 Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ ĐẶC ĐIỂM HÀNG HÓA

Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết bán cho Bên A hàng hóa mới 100%, là sản phẩm chính hiệu của nhà sản xuất, với tên gọi, chủng loại, mô tả, số lượng, đặc tính kỹ thuật cụ thể được nêu rõ tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp Đồng này (sau đây gọi tắt là “Hàng Hóa”).

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

4.1 Tổng giá trị hợp đồng là: ... (đã bao gồm VAT).

(Bằng chữ:).

Chi tiết giá Hợp đồng tại Phụ lục 2 đính kèm Hợp đồng này

4.2 Giá trị hợp đồng tại Điều 4.1 trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp Đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi Giá trị hợp đồng, khi đó Giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

4.3 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Giá chào đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác mà Bên B phải chịu để giao Hàng Hóa cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

5.1. Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước một (01) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng Hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.

5.2. Thời gian giao hàng: **10 ngày kể từ ngày Hợp đồng hiệu lực.**

5.3. Địa điểm bàn giao hàng hóa: Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 14 - tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

5.4. Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp Đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản giao nhận (được lập thành 02 bản gốc, mỗi Bên giữ 01 bản) về việc nhận đầy đủ hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

5.5. Cung cấp tài liệu kỹ thuật: Bên B có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài liệu kỹ thuật từ nhà sản xuất gốc của hàng hóa cho đại diện của Bên A khi hai bên thực hiện giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng theo quy định.

ĐIỀU 6: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Thanh toán một lần. Giá trị thanh toán là tổng giá trị của các mục hàng thực tế được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa.

Phương thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- a. Một (01) bản gốc Hoá đơn Tài chính hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hàng hóa được ghi nhận tại Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa có

xác nhận của hai bên, thuế GTGT. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0102276173-009;

- b. Một (01) bản gốc Giấy Chứng nhận Bảo Hành của nhà sản xuất hoặc Cam kết bảo hành của Bên B nhằm đảm bảo Hàng Hóa cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành 12 tháng kể từ ngày giao cho Bên A theo Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa;
- c. Một (01) bản gốc Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
- d. Một (01) bản gốc Biên bản thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẢN QUYỀN

7.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

7.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A

ĐIỀU 8: DỊCH VỤ, BẢO HÀNH

Sau khi cung cấp dịch vụ, Bên B phải chuyển giao, đào tạo cho người quản trị, vận hành hệ thống của Bên A.

Trong 01 năm thời gian sử dụng dịch vụ, Bên B có nghĩa vụ thường xuyên cập nhật các tính năng mới và Sẵn sàng hỗ trợ 24/7 đối với Bên A. Trường hợp khi có sự cố đột xuất: trong vòng 04 giờ làm việc, Bên B phải có mặt để phối hợp xử lý sự cố với Bên A hoặc Bên có liên quan

Bên B có nghĩa vụ cung cấp cam kết/ bảo lãnh bảo hành đối với Hàng hóa theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a. Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng.
- b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời

gian đã được Bên A gia hạn;

c. Xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

d. Bên B bị phá sản, giải thể.

9.2. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A bị phá sản, giải thể.

9.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a Điều 11.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% giá trị phần hợp đồng không thực hiện.

9.4. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b Điều 11.1, Bên A không phải bồi thường các thiệt hại phát sinh của Bên B. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

10.2. Không muộn hơn 07 ngày từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

10.3. Bên bị ảnh hưởng sẽ được miễn các trách nhiệm về phạt và bồi thường thiệt hại do không hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng.

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

11.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

12.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
- b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

12.2. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

12.3. Phụ lục 1 và 2 kèm theo là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng với Phụ lục thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

12.4. Hợp Đồng này có hiệu lực **kể từ ngày ký** và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này.

12.5. Hợp Đồng này được lập thành năm (06) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA
 Kèm theo Hợp đồng số/PVPTSC-... ký ngày .../.../2020

TT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật	Tiến độ thực hiện
1	Bản quyền hệ điều hành Windows 10 Pro	24	bản quyền trọn đời	Cập nhật các tính năng mới. Sẵn sàng hỗ trợ 24/7 trong 01 năm thời gian dịch vụ.	Dịch vụ được cung cấp ngay khi Hợp đồng có hiệu lực.
2	Bản quyền Office 365	24	bản quyền trong 12 tháng	Chuyển giao, đào tạo cho người quản trị, vận hành hệ thống.	Trường hợp khi có sự cố đột xuất: trong vòng 04 giờ làm việc, nhà thầu phải có mặt để phối hợp xử lý sự cố
3	Gia hạn dịch vụ cung cấp Bản quyền Office 365	<p>Trên cơ sở đánh giá chất lượng dịch vụ của Bên A, Bản quyền Office 365 có thể được gia hạn bằng phụ lục bổ sung hợp đồng.</p> <p>Căn cứ tình hình thực tế, hai bên sẽ tiến hành thương thảo, ký kết phụ lục bổ sung gia hạn cung cấp dịch vụ Bản quyền Office 365 sau khi kết thúc thời hạn Hợp đồng.</p>			

PHỤ LỤC 04: KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN
Kèm theo Hợp đồng số/PVPTSC-... ký ngày .../.../2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bản quyền hệ điều hành Windows 10 Pro	24	bản quyền		
2	Bản quyền Office 365	24	bản quyền trong 12 tháng		
	Tổng cộng				
<i>Bảng chữ:</i>					